

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Ông Ngô Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em –Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Ng đơn: Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 23, ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc E, sinh năm: 1964 theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018 số công chứng 692, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nhựt Quang số 68B, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, An Giang (Có mặt)

Địa chỉ: Số 287C tổ 15, khóm Bình Kh3, phường Bình Kh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nguyên đơn bà Phạm Thanh H

Luật sư Mai Xuân T văn phòng luật sư Xuân Toàn thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Bà Lâm Thị Tố Ng (Q), sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 09, ấp Phú A 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 20/8/2018, và trong quá trình tố tụng bà Phạm Thanh H do ông Nguyễn Ngọc E đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Giữa bà H với vợ chồng ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tổ Ng xác lập hợp đồng vay tiền vào năm 2017 cụ thể:

+ Vào ngày 01/11/2017 vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) thể hiện qua biên nhận vay tiền cùng ngày;

+ Vào ngày 02/11/2017 vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

+ Vào ngày 08/ 11/2017 vay số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng)

+ Vào ngày 15/11/2017 vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

+ Vào ngày 30/11/2017 vay số tiền 1.990.000.000đ (Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu đồng);

+ Vào ngày 02/12/2017 vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng);

+ Riêng vào ngày 04/12/2017 bà Ng viết cho bà H 03 biên nhận nợ cùng ngày; một biên nhận nợ thể hiện vay số tiền 1.810.000.000đ (Một tỷ, tám trăm mười triệu đồng) ; 01 biên nhận nợ số tiền 1.090.000.000đ và biên nhận thể hiện số tiền vay là 950.000.000đ và 500.000.000đ. Tổng số tiền vay ngày 04/12/2017 số tiền 4.350.000.000.000đ (Bốn tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng);

Tất cả số nợ trên, bà Ng đều viết biên nhận nợ và ký tên ghi họ tên vào biên nhận vay tiền. Tuy nhiên, ngày thể hiện trong các tờ biên nhận nợ không phải ngày bà H giao tiền cho bà Ng. Bà Ng nhận tiền trước, sau đó mới viết biên nhận nợ sau. Mục đích vay đáo hạn ngân hàng, thời gian vay không thỏa thuận chỉ thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà H cần cho bà Ng hay; lãi suất là 2%/01 tháng

Sau đó, bà có yêu cầu vợ chồng bà Ng, ông T trả nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông T, bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số nợ vốn vay là 8.200.000.000đ (Tám tỷ, hai trăm triệu đồng) và rút lại yêu cầu khởi kiện lãi suất chỉ yêu cầu vốn

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tổ Ng vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

- Ng đơn bà Phạm Thanh H và đại diện theo ủy quyền Ng đơn ông Nguyễn Ngọc E rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T, bà Ng thanh toán tổng số tiền vốn vay là 8.200.000.000 (Tám tỷ, hai trăm triệu đồng); Rút yêu cầu về lãi suất.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tổ Ng vắng mặt không tham gia phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn về lãi suất, buộc đồng bị đơn thanh toán cho Ng đơn tổng số tiền vốn vay là 8.200.000.000(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng)

Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi của Ng đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Đồng thời buộc ông T, bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả cho bà Phạm Thanh H số tiền vốn 8.200.000.000(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà Ng có nơi cư trú tại ấp Phú An II, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.2 Về thủ tục ủy quyền: Bà Phạm Thanh H ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc E theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018 tại Văn phòng Công chứng Nhật Quang số 68B, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, An Giang số công chứng 692, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự 2015. Ông Ngọc E tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền được quy định tại khoản 4 Điều 85 và khoản 2 Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được HĐXX xem xét chấp nhận

1.3 Về xác định mối quan hệ giữa ông T, bà Ng: Thể hiện ông T và bà Ng có mối quan hệ vợ chồng được thể hiện qua trích lục số 161/TLKH-BS ngày 22/02/2018 của UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: Ông T, bà Ng có đăng ký kết hôn tại số 79 ngày 25/7/2005. Hôn nhân giữa ông T, bà Ng được xác lập vào năm 2005, việc đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và cũng phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ 01/01/2015, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Ng là quan hệ hôn nhân hợp pháp

1.4 Về sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú: Căn cứ vào các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản xác minh nơi cư trú đương sự ngày

09/6/2020 tại Công an xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang thể hiện các đương sự ông T, bà Ng vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú An II, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang; Hiện không có mặt tại địa phương khoảng 02 năm nay; Ông T, bà Ng thay đổi nơi cư trú, nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương và phải có nghĩa vụ thông báo cho bà H biết về nơi cư trú mới. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung

1.5 Về quyền, nghĩa vụ của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành T, bà Lâm Thị Tố Ng được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng như: phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Nhưng phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến; Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Ông T, bà Ng đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như từ bỏ quyền và không thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra, Tòa án tiến hành một số biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ trong vụ án như lấy lời khai ông T, bà Ng vào ngày 09/6/2020, nhưng không tiến hành lấy lời khai được do các đương sự không có mặt vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai.

1.6 Về sự có mặt của đương sự: Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình tố tụng để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông T, bà Ng trong vụ án; Ng đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đăng Cổng thông tin điện tử của Tòa án ; 03 số báo Công Lý liên tiếp 62,63 và 64 các ngày 04,07 và ngày 11 tháng 8 năm 2020 liên tiếp. Thông tin tuyên truyền trên sóng Đài TNVN HĐ 340/NT/2020/HĐTT-CNHCM ký ngày 08/7/2020, thời gian phát sóng vào lúc 17h30-18h00 các ngày 11;12;13/7/2020; triệu tập hợp lệ ông T, bà Ng đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng đồng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Đồng thời, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Ng đơn Luật sư Mai Xuân T vắng mặt lần 02 . Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối ông T và bà Ng và ông Mai Xuân T

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ng đơn yêu cầu bà Phạm Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 8.200.000.000.000 đồng (Tám tỷ, hai trăm triệu đồng) . Bà H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các biên nhận nợ ngày ngày 01/11/2017, ngày 02/11/2017, ngày 08/ 11/2017, ngày 15/11/2017 , ngày 30/11/2017, ngày 02/12/2017 và ngày 04/12/2017, thể hiện chữ ký tên và ghi họ tên của bà Lâm Tố Q (Ng). Đồng thời kết luận giám định số 91/KLGT-PC)((TL) ngày 28/10/2019 tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang nội dung: “ chữ ký và chữ viết tên Lê Tố Q trên các mẫu cần giám định so với chữ ký và chữ viết tên của lâm Thị Tố Ng trên các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra” Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt

thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Ng (Q), ông T tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà Ng (Q) vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của Ng đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bà Ng (Q) đã vay tiền của bà H số tiền 8.200.000.000.000đồng(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng) thể hiện qua các biên nhận nợ ngày ngày 01/11/2017, ngày 02/11/2017, ngày 08/ 11/2017, ngày 15/11/2017 , ngày 30/11/2017, ngày 02/12/2017 và ngày 04/12/2017 là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ng đơn. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà Ng (Q) trả số tiền vốn vay 8.200.000.000.000đồng(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ng đơn về việc yêu cầu bà Ng cùng với ông T trả số tiền vốn vay là 8.200.000.000đồng(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà H với bà Ng(Quyên), ông T không tham gia cùng với bà Ng trong giao dịch này. Tuy nhiên, bà Ng và ông T là vợ chồng, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo Ng đơn trình bày thì mục đích bà Ng (Q) vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bổ sung vốn làm ăn và sinh hoạt trong gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc bà Ng (Q) cùng ông T có trách nhiệm liên đới với số tiền vốn vay là 8.200.000.000.000đồng(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng) là phù hợp.

Đối với yêu về lãi suất: tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền Ng đơn và Ng đơn bà H có mặt tại phiên có đơn đơn rút yêu cầu lãi suất. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện,rút lại một phần yêu cầu giải quyết đối với lãi suất, việc rút lại yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 5 của BLTTDS nên được HĐXX xem xét theo quy định tại Điều 244 BLTTDS và được đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 BLTTDS 2015.

Từ những phân tích và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX xem xét chấp nhận. Do đó ông T và bà Ng phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vốn vay 8.200.000.000đ(Tám tỷ hai trăm triệu đồng)

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Phạm Thanh H được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp được quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Ông T, bà Ng phải có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Chi phí tố tụng khác:

Chi phí giám định : Số tiền là 3.060.000đ (Ba triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng) bà H đồng ý chịu (đã nộp xong)

Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.049.800đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm đồng) bà H chịu (đã nộp xong)

[5] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85 và khoản 2 Điều 86, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 562, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh H đối với ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố Ng.

Buộc ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố Ng (Q) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thanh H số tiền vốn vay là 8.200.000.000 đồng (Tám tỷ, hai trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh H đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T và bà Lâm Thị Tố Ng (Q) có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm ngàn đồng). Hoàn trả cho bà Phạm Thanh H số tiền tạm ứng án phí là 58.100.000đ (Năm mươi tám triệu, một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008569 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định số tiền là 3.060.000đ (Ba triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng) bà H đồng ý chịu (đã nộp xong)

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2020)

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang